

Số: 73/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ
thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao
và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khu công
nghệ cao;*

*Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách
thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của
Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức
chính trị - xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo
bồi dưỡng công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 231/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển
chọn, sử dụng tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi
mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế,
chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển
đổi số;*

*Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ
chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập,
nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới
sáng tạo;*

*Xét Tờ trình số 426/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế, chính*

sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao (thực hiện điểm b khoản 4 Điều 24 Luật Thủ đô; Báo cáo thẩm tra số 117/BC-BPC ngày 22 tháng 11 năm 2025 của Ban Pháp chế; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 465/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết về các nội dung sau:

1. Cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Thành phố”).

2. Cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động công nghệ cao và đổi mới sáng tạo có trụ sở tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố thực hiện quản lý, hỗ trợ hoạt động công nghệ cao và đổi mới sáng tạo có trụ sở tại khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Cá nhân làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này tham gia thực hiện, quản lý, hỗ trợ hoạt động công nghệ cao và đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật; phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thủ đô.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và đúng quy định pháp luật.

3. Chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ phải bảo đảm hiệu quả thực tế; gắn với kết quả, thành tích, sản phẩm và mức độ đóng góp của tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách; không trùng lặp, chồng chéo với các chính sách hỗ trợ khác.

4. Việc áp dụng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ phải gắn với cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ về kết quả và hiệu quả thực hiện, phân định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được giao triển khai.

5. Bảo đảm tính kế thừa, thống nhất và đồng bộ với các cơ chế, chính sách của Trung ương và của Thành phố; tạo động lực phát triển bền vững cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, BIỆN PHÁP ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ CAO LÀM VIỆC TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 4. Thẻ nhân lực công nghệ cao

1. Thẻ nhân lực công nghệ cao được cấp cho cá nhân là nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố và làm căn cứ để áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

2. Thẻ nhân lực công nghệ cao được cấp bằng bản điện tử, bản giấy và có giá trị pháp lý như nhau.

3. Thẻ nhân lực công nghệ cao gồm 04 hạng thẻ, theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp, lần lượt như sau: Thẻ kim cương, Thẻ vàng, Thẻ bạc và Thẻ đồng. Mỗi cá nhân chỉ được cấp một hạng thẻ duy nhất tại một thời điểm.

4. Thời hạn hiệu lực thẻ nhân lực công nghệ cao:

a) Được xác định trên cơ sở hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng hoặc hình thức hợp đồng hay thỏa thuận thuê, đặt hàng, hợp tác;

b) Tối đa 05 năm kể từ thời điểm cấp thẻ;

c) Trong 06 tháng trước khi hết thời hạn sử dụng, cá nhân thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ để tiếp tục được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

5. Nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao:

a) Cá nhân duy trì thời gian đủ 20 năm tại một hạng thẻ được nâng hạng lên hạng thẻ cao hơn liền kề;

b) Cá nhân đã được cấp thẻ nhân lực công nghệ cao, khi đáp ứng điều kiện của hạng thẻ cao hơn theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này được nâng lên hạng thẻ cao hơn tương ứng.

Điều 5. Điều kiện cấp thẻ nhân lực công nghệ cao

1. Cá nhân được cấp thẻ nhân lực công nghệ cao là nhân lực công nghệ cao theo quy định của pháp luật và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng trở lên làm việc tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

b) Được tuyển dụng làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố có trụ sở tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

2. Đối tượng được cấp Thẻ đồng bao gồm cá nhân thực hiện hoạt động hoặc hỗ trợ trực tiếp hoạt động công nghệ cao và đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối tượng được cấp Thẻ bạc đáp ứng quy định khoản 1 Điều này và thuộc một trong các đối tượng sau:

a) Kỹ sư trẻ tài năng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP;

b) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 179/2024/NĐ-CP;

c) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố có trụ sở tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

4. Đối tượng được cấp Thẻ vàng đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và thuộc một trong các đối tượng sau:

a) Kiến trúc sư trưởng Dự án về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định tại Điều 10 Nghị định số 231/2025/NĐ-CP;

b) Chuyên gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định tại Điều 3 Nghị định số 249/2025/NĐ-CP;

c) Nhà khoa học trẻ tài năng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP;

d) Nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Nghị định 179/2024/NĐ-CP.

5. Đối tượng được cấp Thẻ kim cương đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và thuộc một trong các đối tượng sau:

a) Tổng công trình sư Hệ thống về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định tại Điều 6 Nghị định số 231/2025/NĐ-CP;

b) Tổng công trình sư Dự án về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định tại Điều 7 Nghị định số 231/2025/NĐ-CP;

c) Kiến trúc sư trưởng cấp bộ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định tại Điều 8 Nghị định số 231/2025/NĐ-CP;

d) Kiến trúc sư trưởng cấp tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định tại Điều 9 Nghị định số 231/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với đối tượng được cấp Thẻ đồng

Đối tượng được cấp Thẻ đồng được hưởng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Được ưu tiên thuê, mua, thuê mua nhà ở, nhà lưu trú cho người làm việc tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Được Thành phố hỗ trợ 100% giá vé theo tháng cho cá nhân sử dụng các phương tiện giao thông công cộng (bao gồm: phương tiện đường sắt đô thị, ô tô chở khách tuyến cố định, xe buýt) trên địa bàn Thành phố trong thời gian 03 năm đầu kể từ lần đầu tiên cấp thẻ nhân lực công nghệ cao.

3. Được Thành phố xem xét phong, tặng danh hiệu vinh dự của Thành phố, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác theo quy định pháp luật khi có nhiều cống hiến đối với sự phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố.

Điều 7. Cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với đối tượng được cấp Thẻ bạc

Đối tượng được cấp Thẻ bạc được hưởng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Được hưởng đầy đủ cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với Thẻ đồng quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

2. Thành phố hỗ trợ 50% thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công liên quan đến hoạt động công nghệ cao, đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Cá nhân làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố có trụ sở tại khu công nghệ cao:

a) Được hưởng các chính sách tương tự đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc và nhà khoa học trẻ tài năng theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 11 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP bao gồm: chính sách thu hút; chính sách đào tạo, bồi dưỡng; chính sách ưu tiên trong bố trí, sử dụng sau tuyển dụng;

b) Việc đền bù chi phí đào tạo sau đại học đối với công chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; việc đền bù chi phí đào tạo sau đại học đối với viên chức thực hiện theo quy định pháp luật về viên chức.

Điều 8. Cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với đối tượng được cấp Thẻ vàng

Đối tượng được cấp Thẻ vàng được hưởng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Được hưởng đầy đủ cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với Thẻ đồng quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

2. Được Thành phố hỗ trợ 100% thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công liên quan đến hoạt động công nghệ cao, đổi mới sáng tạo tại

khu công nghệ cao sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Được ưu tiên thuê mặt bằng và trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của Thành phố.

4. Cá nhân làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố có trụ sở tại khu công nghệ cao được hưởng các chính sách tương tự đối với chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP.

5. Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài:

a) Được tham gia các chương trình, đề án đẩy mạnh hợp tác, thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố;

b) Con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi của cá nhân được cấp Thẻ vàng được Thành phố hỗ trợ 50% học phí tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tại khu công nghệ cao trong thời gian làm việc tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

Điều 9. Cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với đối tượng được cấp Thẻ kim cương

Đối tượng được cấp Thẻ kim cương được hưởng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Được hưởng đầy đủ cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với Thẻ đồng quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

2. Được Thành phố hỗ trợ 100% thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công liên quan đến hoạt động công nghệ cao, đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Trường hợp có nhu cầu về nhà ở, được Thành phố bố trí và hỗ trợ 100% chi phí thuê nhà ở, nhà ở lưu trú cho người làm việc tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

4. Được ưu tiên thuê mặt bằng và trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của Thành phố.

5. Cá nhân làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố có trụ sở tại khu công nghệ cao được xem xét bổ trí đảm nhiệm chức danh lãnh đạo, người đứng đầu các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo của Thành phố tại khu công nghệ cao mà không yêu cầu các điều kiện, tiêu chuẩn khác ngoài Nghị quyết này.

6. Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài:

a) Được tham gia các chương trình, đề án đẩy mạnh hợp tác, thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố;

b) Con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi của cá nhân được cấp Thẻ kim cương được Thành phố hỗ trợ 100% học phí tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tại khu công nghệ cao.

Điều 10. Thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao

1. Thẻ nhân lực công nghệ cao bị thu hồi trong các trường hợp:

a) Theo nguyện vọng của cá nhân;

b) Không đáp ứng điều kiện áp dụng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao quy định tại Điều 5 Nghị quyết này;

c) Có hành vi gian lận trong hồ sơ;

d) Có hành vi vi phạm đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức, doanh nghiệp nơi cá nhân làm việc đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

2. Trong trường hợp cá nhân đang hưởng cơ chế, chính sách, ưu đãi, biện pháp hỗ trợ tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị quyết này thuộc một trong các trường hợp tại khoản 1 Điều này, trong thời gian không quá 01 tháng, cơ quan tổ chức, doanh nghiệp sử dụng người lao động đó có trách nhiệm báo cáo và lập hồ sơ đề nghị thu hồi, gửi đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Trình tự, thủ tục triển khai các chính sách thu hút nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao

1. Trình tự, thủ tục, thẩm định, phê duyệt cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao được quy định chi tiết tại mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Trình tự, thủ tục, phê duyệt cấp đổi thẻ nhân lực công nghệ cao được quy định chi tiết tại mục 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Trình tự, thủ tục, phê duyệt cấp lại thẻ nhân lực công nghệ cao được quy định chi tiết tại mục 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trình tự, thủ tục, thẩm định, phê duyệt nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao được quy định chi tiết tại mục 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao được quy định chi tiết tại mục 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Chương III

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, BIỆN PHÁP ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 12. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ

Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của HĐND Thành phố quy định cơ chế, chính sách về đầu tư, hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của thành phố Hà Nội, có trụ sở tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được hỗ trợ, ưu đãi sau:

1. Được ưu tiên thuê trang thiết bị, thuê mặt bằng tại hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do Thành phố thành lập tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

2. Được Thành phố hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn pháp lý liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ bao gồm tư vấn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và quyền tác giả, đại diện pháp lý và các dịch vụ chuyên môn thông qua các hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do Thành phố thành lập tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố nhưng không quá 100.000.000 đồng/đối tượng/hồ sơ (một trăm triệu đồng).

3. Được Thành phố hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp lý liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ, bao gồm chi phí duy trì, gia hạn, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế; tư vấn định giá tài sản trí tuệ, tư vấn hợp đồng chuyển giao, hợp đồng mua bán công nghệ, xử lý tranh chấp và các dịch vụ chuyên môn liên quan thông qua các hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do Thành phố thành lập tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố nhưng không quá 100.000.000 đồng/đối tượng/hồ sơ (một trăm triệu đồng).

4. Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được lựa chọn mức hỗ trợ, ưu đãi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này hoặc điểm a và điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND.

Điều 13. Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại Điều 15 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của HĐND Thành phố quy định cơ chế, chính sách về đầu tư, hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của thành phố Hà Nội, có trụ sở tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được hỗ trợ, ưu đãi sau:

1. Được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 Luật Thủ đô và được Thành phố hỗ trợ 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

2. Được Thành phố hỗ trợ 70% chi phí thuê trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của Thành phố đầu tư tại khu công nghệ cao nhưng không quá 150.000.000 đồng/năm/đối tượng (một trăm năm mươi triệu đồng).

3. Được Thành phố hỗ trợ 70% giá trị hợp đồng thuê mặt bằng tại các cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của Thành phố đầu tư tại khu công nghệ cao nhưng không quá 20.000.000 đồng/tháng/đối tượng (hai mươi triệu đồng).

4. Thời gian hỗ trợ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định phê duyệt hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Trình tự, thủ tục triển khai các chính sách thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao

Trình tự, thủ tục áp dụng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao về hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 12 và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 13 được quy định chi tiết tại mục 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao được bố trí từ ngân sách của Thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước có liên quan

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có quyền hạn và trách nhiệm:

a) Thống nhất chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật và Nghị quyết này;

b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thi hành Nghị quyết; trong trường hợp cần thiết, ban hành quy định hướng dẫn, thủ tục hành chính cụ thể để tổ chức thi hành Nghị quyết;

c) Cân đối bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật;

d) Hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc ban hành sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với điều kiện của Thành phố.

2. Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Ban Quản lý”) có trách nhiệm:

a) Chủ trì tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ cấp mới, cấp đổi, cấp lại, nâng hạng, thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao; chủ động thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao khi phát hiện cá nhân được hưởng cơ chế, chính sách, ưu đãi, biện pháp hỗ trợ tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị quyết này thuộc một trong các trường hợp tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết này;

b) Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị quyết này; tham mưu UBND Thành phố quyết định về việc ban hành quy chế phối hợp liên ngành triển khai Nghị quyết này sau khi được Hội đồng nhân dân thông qua;

c) Tiếp nhận, quản lý và cấp phát kinh phí hỗ trợ kịp thời, đúng nội dung, đúng đối tượng và đúng quy định của Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao;

đ) Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội, các đơn vị liên quan đánh giá hiệu quả đầu tư, hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao;

e) Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố tổ chức các hoạt động vinh danh, khen thưởng doanh nghiệp, tổ chức có thành tích, hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo;

g) Chủ trì giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách, định kỳ báo cáo UBND Thành phố và đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách khi cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại các khu công nghệ cao.

3. Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội có trách nhiệm:

a) Đầu mối, tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn, hỗ trợ liên quan đến hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và chuyển giao công nghệ tại khu công nghệ cao quy định tại Điều 12 và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại khu công nghệ cao quy định tại Điều 13 Nghị quyết này;

b) Trường hợp Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội chưa được thành lập và hoạt động kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, Ban Quản lý có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội quy định tại Nghị quyết này.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

5. Các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Ban Quản lý, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội triển khai, hỗ trợ liên quan đến hoạt động đổi mới sáng tạo, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp tại khu công nghệ cao;

b) Phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp Thành phố triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân hưởng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hưởng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ có trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, nội dung và phạm vi được ưu đãi, hỗ trợ. Đồng thời, cung cấp đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của các thông tin trong hồ sơ, tài liệu, chứng từ gốc liên quan khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; chấp hành nghiêm chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng lao động được hưởng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao, cơ quan, tổ chức, cá nhân hưởng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ban Quản lý.

Điều 18. Giám sát thi hành Nghị quyết

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp giám sát việc tổ chức, triển khai, thực hiện.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2025.
2. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Nghị quyết này với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác của Nhà nước hoặc của Thành phố về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc điều kiện thuận lợi hơn so với Nghị quyết này thì đối tượng được hưởng ưu đãi được áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.
3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: KH&CN, Tư pháp;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐNDTP, VP UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm TTDL và CNS Thành phố;
- Trang TTĐT của HĐND Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà



1977

Phụ lục I

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH THU HÚT NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ CAO LÀM VIỆC TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ THỰC ĐẨY HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO

(Kèm theo Nghị quyết số 73/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)



1. Trình tự, thủ tục, thẩm định, phê duyệt cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động (sau đây gọi tắt là “đơn vị”) lập 01 bộ hồ sơ cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao và trình Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp Thành phố (sau đây gọi tắt là “Ban Quản lý”) phê duyệt hồ sơ cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao thông qua hình thức: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Quản lý tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này;

Trường hợp cần bổ sung, làm rõ hoặc giải trình hồ sơ cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao, Ban Quản lý yêu cầu đơn vị bổ sung, giải trình nội dung đề nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có);

c) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung, giải trình nội dung đề nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có), đơn vị đề nghị hỗ trợ có trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. Trường hợp cần thiết, Ban Quản lý tổ chức đánh giá, thẩm định lại hồ sơ bổ sung theo quy trình và thời hạn quy định tại mục này;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo ý kiến thẩm định hoặc không được bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu, Ban Quản lý thông báo cho đơn vị về việc từ chối phê duyệt;

d) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày kết quả đánh giá, thẩm định và hồ sơ bổ sung (nếu có), Ban Quản lý ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao;

đ) Căn cứ quyết định phê duyệt hồ sơ cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao của Ban Quản lý, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan triển khai hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này;

e) Hồ sơ cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao gồm:

- Đơn đề nghị của đơn vị (theo mẫu 00-ĐĐN kèm theo Nghị quyết này);
- Danh sách cá nhân đề nghị;

- Đơn đề nghị cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao (theo mẫu số 01-ĐĐN-CT kèm theo Nghị quyết này);

- Bản sao Hợp đồng lao động (hoặc tương đương);
- Bản sao Giấy xác nhận chức danh hoặc danh hiệu chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục, phê duyệt cấp đổi thẻ nhân lực công nghệ cao

a) Đơn vị lập 01 bộ hồ sơ cấp đổi thẻ nhân lực công nghệ cao và trình Ban Quản lý phê duyệt hồ sơ cấp đổi thẻ nhân lực công nghệ cao thông qua hình thức: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Quản lý tổ chức đánh giá hồ sơ cấp đổi thẻ nhân lực công nghệ cao;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo ý kiến đánh giá, Ban Quản lý thông báo cho đơn vị về việc từ chối phê duyệt;

c) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày kết quả đánh giá, Ban Quản lý ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ cấp đổi thẻ nhân lực công nghệ cao;

d) Hồ sơ cấp đổi thẻ nhân lực công nghệ cao gồm;

- Đơn đề nghị của đơn vị (*theo mẫu 00-ĐĐN kèm theo Nghị quyết này*);
- Danh sách cá nhân đề nghị;
- Đơn đề nghị cấp đổi thẻ nhân lực công nghệ cao (*theo mẫu số 01-ĐĐN-CD kèm theo Nghị quyết này*);
- Bản sao Hợp đồng lao động (hoặc tương đương);
- Bản sao Quyết định cấp thẻ nhân lực công nghệ cao.

3. Trình tự, thủ tục, phê duyệt cấp lại thẻ nhân lực công nghệ cao

a) Đơn vị lập 01 bộ hồ sơ cấp lại thẻ nhân lực công nghệ cao và trình Ban Quản lý phê duyệt hồ sơ cấp lại thẻ nhân lực công nghệ cao thông qua hình thức: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Quản lý tổ chức đánh giá hồ sơ cấp lại thẻ nhân lực công nghệ cao theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo ý kiến đánh giá, Ban Quản lý thông báo cho đơn vị về việc từ chối phê duyệt;

c) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày kết quả đánh giá, Ban Quản lý ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ cấp lại thẻ nhân lực công nghệ cao;

d) Hồ sơ cấp lại thẻ nhân lực công nghệ cao gồm:

- Đơn đề nghị của đơn vị (*theo mẫu 00-ĐĐN kèm theo Nghị quyết này*);
- Danh sách cá nhân đề nghị;
- Đơn đề nghị cấp lại thẻ nhân lực công nghệ cao (*theo mẫu số 01-ĐĐN-CL kèm theo Nghị quyết này*);
- Bản sao Hợp đồng lao động (hoặc tương đương);
- Bản sao Quyết định cấp thẻ nhân lực công nghệ cao.

4. Trình tự, thủ tục, thẩm định, phê duyệt nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao

a) Đơn vị lập 01 bộ hồ sơ nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao và trình Ban Quản lý phê duyệt hồ sơ nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao thông qua hình thức: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Quản lý tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này;

Trường hợp cần bổ sung, làm rõ hoặc giải trình hồ sơ nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao, Ban Quản lý yêu cầu đơn vị bổ sung, giải trình nội dung đề nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có);

c) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung, giải trình nội dung đề nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có), đơn vị đề nghị hỗ trợ có trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. Trường hợp cần thiết, Ban Quản lý tổ chức đánh giá, thẩm định lại hồ sơ bổ sung theo quy trình và thời hạn quy định tại mục này;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo ý kiến thẩm định hoặc không được bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu, Ban Quản lý thông báo cho đơn vị về việc từ chối phê duyệt;

d) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày kết quả đánh giá, thẩm định và hồ sơ bổ sung (nếu có), Ban Quản lý ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao;

đ) Căn cứ quyết định phê duyệt hồ sơ nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao của Ban Quản lý, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan triển khai hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này;

e) Hồ sơ nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao gồm:

- Đơn đề nghị của đơn vị (theo mẫu 00-ĐĐN kèm theo Nghị quyết này);
- Danh sách cá nhân đề nghị;
- Đơn đề nghị nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao (theo mẫu số 01-ĐĐN-NH kèm theo Nghị quyết này);
- Bản sao Quyết định cấp thẻ nhân lực công nghệ cao;
- Bản sao Hợp đồng lao động (hoặc tương đương);
- Giấy xác nhận chức danh hoặc danh hiệu chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

5. Trình tự, thủ tục thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao

a) Đơn vị lập 01 bộ hồ sơ thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao và gửi Ban Quản lý thông qua hình thức: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Căn cứ xác nhận thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao của Ban Quản lý, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan dừng hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này;

c) Hồ sơ thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao gồm:

- Đơn đề nghị của đơn vị (theo mẫu 00-ĐĐN kèm theo Nghị quyết này);
- Danh sách cá nhân đề nghị;
- Đơn đề nghị thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao (theo mẫu số 01-ĐĐN-TH kèm theo Nghị quyết này).

6. Trình tự, thủ tục áp dụng cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao

a) Đơn vị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ các chính sách thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và gửi về Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội phê duyệt thông qua hình thức: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết này;

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo gồm:

- Đơn đề nghị của đơn vị (theo mẫu 00-ĐĐN kèm theo Nghị quyết này);
- Bản sao Quyết định phê duyệt hỗ trợ của UBND Thành phố quy định tại Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND./.

7. Các Biểu mẫu triển khai hỗ trợ

Mẫu 00-ĐĐN: Đơn đề nghị của đơn vị;

Mẫu 01-ĐĐN-CT: Đơn đề nghị cấp mới thẻ nhân lực công nghệ cao;

Mẫu 01-ĐĐN-CĐ: Đơn đề nghị cấp đổi thẻ nhân lực công nghệ cao;

Mẫu 01-ĐĐN-CL: Đơn đề nghị cấp lại thẻ nhân lực công nghệ cao;

Mẫu 01-ĐĐN-NH: Đơn đề nghị nâng hạng thẻ nhân lực công nghệ cao;

Mẫu 01-ĐĐN-TH: Đơn đề nghị thu hồi thẻ nhân lực công nghệ cao.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

1. Tên cơ quan/tổ chức đề nghị hỗ trợ:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Fax:
5. E-mail:
6. Người đại diện theo pháp luật:
Họ và tên:
- Chức vụ:
7. Mã số cơ quan/tổ chức:
8. Đề nghị xem xét hỗ trợ:
-
9. Các tài liệu kèm theo:
(1)
- (2)

Nơi nhận:

- Như trên;

....., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI
THẺ NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

1. Họ và tên: 2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Địa chỉ:
5. CC/CCCD/CMND:
6. Đơn vị công tác:
7. Chức vụ/vị trí công tác:
8. Đề nghị xem xét hỗ trợ cấp thẻ hạng:

Thẻ đồng Thẻ bạc Thẻ vàng Thẻ kim cương

9. Các tài liệu kèm theo:

- (1)
- (2)

Tôi cam kết các tài liệu gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội là đúng sự thật.

XÁC NHẬN
CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày tháng ... năm ...
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI
THẺ NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

1. Họ và tên: 2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Địa chỉ:
5. CC/CCCD/CMND:
6. Đơn vị công tác:
7. Chức vụ/vị trí công tác:
8. Lý do cấp đổi:
9. Các tài liệu kèm theo:
- (1)
- (2)

Tôi cam kết các tài liệu gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội là đúng sự thật.

XÁC NHẬN
CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
THẺ NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

1. Họ và tên: 2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Địa chỉ:
5. CC/CCCD/CMND:
6. Đơn vị công tác:
7. Chức vụ/vị trí công tác:
8. Lý do cấp lại:
9. Các tài liệu kèm theo:
- (1)
- (2)

Tôi cam kết các tài liệu gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội là đúng sự thật.

XÁC NHẬN
CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NÂNG HẠNG
THẺ NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

1. Họ và tên: 2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Địa chỉ:
5. CC/CCCD/CMND:
6. Đơn vị công tác:
7. Chức vụ/vị trí công tác:
8. Đề nghị xem xét hỗ trợ nâng hạng thẻ:

Thẻ bạc

Thẻ vàng

Thẻ kim cương

9. Các tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

Tôi cam kết các tài liệu gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội là đúng sự thật.

XÁC NHẬN
CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI
THẺ NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

1. Họ và tên: 2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Địa chỉ:
5. CC/CCCD/CMND:
6. Đơn vị công tác:
7. Thẻ nhân lực công nghệ cao (loại thẻ):
8. Lý do thu hồi:
9. Các tài liệu kèm theo:
- (1)
- (2)

Tôi cam kết các tài liệu gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội là đúng sự thật.

..., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)